

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TỪ SƠN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2023/DS-ST

Ngày: 10/4/2023

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TỪ SƠN, TỈNH BẮC NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Thúc, ông Đỗ Đức Hùng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Chinh - Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Từ Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Lan H- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2022/TLST- DS ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST- DS ngày 24 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân Trang Hạ; Địa chỉ: Khu phố Phù Khê Đông, phường Phù Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến Giang; Chức vụ: Chủ tịch HĐQT. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đỗ Như Nam – Cán bộ tín dụng (có mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; Địa chỉ: Khu phố K, phường H, thành phố T, tỉnh B. (Vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1956; Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1979; Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1982; Anh Nguyễn Đức L, sinh năm 1988; Cùng địa chỉ: Khu phố K, phường H, thành phố T, tỉnh B. (Vắng mặt)

- Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1976, Địa chỉ: Khu phố Phù K, phường P, thành phố T, tỉnh B. (Vắng mặt)

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện Đ, thành phố H. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là Quỹ Tín dụng nhân dân Trang Hạ do người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 18/02/2016 giữa Quỹ Tín dụng nhân dân Trang Hạ và chị Nguyễn Thị H đã ký hợp đồng tín dụng số 230/2016 vay số tiền 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng chẵn), mục đích sản xuất kinh doanh đồ gỗ. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 18/02/2016 đến ngày 18/02/2017. Lãi suất cho vay 0,75%/tháng và lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay. Lãi trả hàng tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay này, hộ ông Nguyễn Đức Tỉnh, bà Lê Thị L gồm ông Nguyễn Đức Tỉnh, bà Lê Thị L, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Đức T, anh Nguyễn Đức T, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Đức L đã dùng tài sản thuộc quyền sở hữu của mình đảm bảo cho khoản vay chị Nguyễn Thị H. Đó là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 455 tờ bản đồ 07 diện tích 149,0m² ở địa chỉ thôn Kim Bảng, xã H Mạc, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y449607 vào sổ cấp GCN 05161 QSDĐ/685/QĐ –CT do UBND huyện Từ Sơn cấp ngày 26/7/2004 cho hộ ông Nguyễn Đức Tỉnh và bà Nguyễn Thị L. Hợp đồng thế chấp đã được lập tại văn phòng công chứng Minh Tâm tỉnh Bắc Ninh vào ngày 04/02/2015, có đầy đủ chữ ký của các thành viên hộ ông Nguyễn Đức T, bà Lê Thị L theo như đơn xác nhận thành viên của ông Tỉnh, có xác nhận của UBND xã H Mạc. Ông Tỉnh chết tháng 03/2016.

Chị H đã nhận đủ số tiền theo hợp đồng vay nhưng không thực hiện theo đúng thỏa thuận. Từ khi vay đến nay, chị H chưa trả được tiền nợ gốc, đã trả 348.750.000 đồng tiền lãi. Ngày 18/10/2018, khoản nợ của chị H đã chuyển nhóm nợ xấu. Quỹ tín dụng nhân dân Trang Hạ đã yêu cầu chị H thanh T tiền nhiều lần nhưng chị H đã xin gia hạn nhiều lần và không thực hiện theo đúng cam kết. Vì vậy, Quỹ tín dụng nhân dân Trang Hạ khởi kiện ra Tòa án, buộc chị Nguyễn Thị H phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Trang Hạ toàn bộ số tiền T đến ngày 10/4/2023 theo hợp đồng tín dụng số 230/2016 ngày 18/02/2016 là 2.785.598.000 đồng, trong đó nợ gốc 1.500.000.000 đồng, nợ lãi 1.258.598.000 đồng và trả lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh T xong toàn bộ khoản nợ. Chị H không trả được tiền thì Quỹ tín dụng nhân dân Trang Hạ có quyền tự xử lý tài sản thế chấp hoặc đề nghị cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo như hợp đồng thế chấp đã ký.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị H: Đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến gửi đến Tòa án cũng như không đến Tòa án giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan là bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị H, gia đình bà đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và các tài liệu nguyên đơn gửi đúng quy định pháp luật. Bà L xác định, chị H chỉ ký tên đứng lên vay, còn tiền giải ngân thực tế chị H đưa toàn bộ cho anh Nguyễn Đức T (con trai bà L). Gia đình bà L có thể chấp cho khoản vay trên bằng toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 455 tờ bản đồ 07, diện tích 149,0m² ở địa chỉ thôn Kim Bảng, xã H Mạc, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh mang tên hộ ông Nguyễn Đức Tỉnh, bà Lê Thị L. Ông Tỉnh, bà L sinh được 6 người con gồm chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Đức T, anh Nguyễn Đức T, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Đức L và chị Nguyễn Thị M. Tại thời điểm thế chấp, chị Nguyễn Thị M (con gái bà L) đã lấy chồng và sinh sống tại Phù Khê Đông, phường Phù Khê, chị M không đồng ý thế chấp nên không có tên và không ký vào hợp đồng thế chấp. Nhà đất này là của vợ chồng bà cùng các con đóng góp tiền mua và xây dựng nhưng bà không có tài liệu chứng cứ chứng minh việc này. Bà L xác định phần tài sản thế chấp này có phần của chị M là con gái. Chị M tự làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề về quyền tài sản của mình. Năm 2016 ông T mất. Do tình hình dịch bệnh khó khăn nên gia đình không có tiền để trả nợ bà đồng ý việc giải quyết tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật. Bà xin vắng mặt tại các buổi làm việc và đề nghị xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan là anh Nguyễn Đức T, anh Nguyễn Đức T, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Đức L trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 06/01/2023 tại nhà riêng có sự chứng kiến của anh Nguyễn Đức T, bà Nguyễn Thị L: Anh T, anh T, chị H, anh L xác định không L quan đến khoản vay giữa chị H và quỹ tín dụng nhân dân Trang Hạ, về tài sản thế chấp xác định là của hộ gia đình, hiện nay bà L là chủ hộ gia đình nên bà L toàn quyền quyết định. Anh T, anh T, chị H, anh L từ chối tham gia tố tụng, xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan là chị Nguyễn Thị M trình bày tại biên bản làm việc ngày 06/01/2023 có sự chứng kiến của ông Đỗ Viết Đạt, cảnh sát khu vực khu phố Phù Khê Đông, phường Phù Khê: Chị là con của ông Nguyễn Đức T và bà Lê Thị L. Bố mẹ chị sinh được 06 người con. Chị kết hôn và sinh sống tại nhà chồng, không ở chung với gia đình và đã chuyển hộ khẩu về Phù Khê. Khi chị H vay tiền ngân hàng, ông Tỉnh vẫn còn sống, do chị không có hộ khẩu ở gia đình nên không phải ký vào hợp đồng thế chấp. Ông Tỉnh chết năm 2016, khi chết ông Tỉnh không để lại di chúc. Chị xác định nhà đất bố mẹ và các em đã thế chấp cho chị H vay tiền ngân hàng là của bố mẹ. Ông Tỉnh chết, chị đã được Tòa án giải thích quy định của pháp luật về việc được hưởng

thừa kế di sản của ông T. Chị có quyền khởi kiện chia thừa kế nhưng chị chưa làm đơn, đề nghị vắng mặt, từ chối tham gia tố tụng. Khi nào có yêu cầu chị khởi kiện sau. Đối với việc chị H vay tiền ngân hàng chị M không L quan. Việc thế chấp tài sản của mẹ và các em trong gia đình chị không L quan. Chị M không ký và nhận bất kỳ văn bản tố tụng nào của Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ án theo đúng quy định của pháp luật nhưng không tiến hành hòa giải được, vì vậy Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc chị H phải thanh T cho Quỹ Tín dụng nhân dân Trang Hạ số tiền T đến ngày 10/4/2023 theo hợp đồng tín dụng số 230 ngày 18/02/2016 là 2.785.598.000 đồng, trong đó nợ gốc 1.500.000.000 đồng, nợ lãi 1.258.598.000 đồng và trả lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh T xong toàn bộ khoản nợ. Chị H không trả được tiền thì Quỹ tín dụng nhân dân Trang Hạ có quyền tự xử lý tài sản thế chấp hoặc đề nghị cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo như hợp đồng thế chấp đã ký.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Từ Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn trong vụ án kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Bị đơn là chị H và người có quyền lợi nghĩa vụ L quan không thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai, người có quyền lợi nghĩa vụ L quan xin xử vắng mặt vì vậy đề nghị xử vắng mặt những người này.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 58; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 299, 317, 323, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng; Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015 quy định về quỹ tín dụng nhân dân; Nghị định số 163/NĐ - CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc chị H phải thanh T cho Quỹ Tín dụng nhân dân Trang Hạ số tiền T đến ngày 10/4/2023 theo hợp đồng tín dụng số 230/2016 ngày 18/02/2016 là 2.785.598.000 đồng, trong đó nợ gốc 1.500.000.000 đồng, nợ lãi 1.258.598.000 đồng và trả lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh T xong toàn bộ khoản nợ. Chị H không trả được tiền thì Quỹ tín dụng nhân dân Trang Hạ có quyền tự xử lý tài sản thế chấp hoặc đề nghị cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo như hợp đồng thế chấp đã ký.

Chi phí xem xét thẩm định: Nguyên đơn tự nguyện chịu và không đề nghị giải quyết.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quỹ Tín dụng nhân dân Trang Hạ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Nguyễn Thị H phải trả số tiền nợ gốc, lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên và xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật. Chị H không có đăng ký kinh doanh hộ cá thể, mục đích vay tiền để sản xuất kinh doanh đồ gỗ nên đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Bị đơn là chị H trú tại khu phố Kim Bảng, phường H Mạc, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Về việc đương sự vắng mặt: Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa ngày 24/3/2023, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ L quan vắng mặt lần thứ nhất, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 15 của Hội đồng xét xử, phiên tòa được mở lại vào hồi 08 giờ ngày 10/4/2023, bị đơn vắng mặt lần thứ hai, người có quyền lợi nghĩa vụ L quan xin vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt những người này.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Xét hợp đồng tín dụng số 230/2016 ngày 18/02/2016 giữa Quỹ Tín dụng nhân dân Trang Hạ với chị Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bên

tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc ký hợp đồng tín dụng được thực hiện đúng theo trình tự pháp luật về tín dụng ngân hàng nên hợp đồng này có hiệu lực pháp luật. Chị H đã nhận đầy đủ tiền theo giấy nhận nợ và phiếu chi tiền ngày 18/2/2016 nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận nên Quỹ Tín dụng nhân dân Trang Hạ đã khởi kiện ra Tòa án buộc chị H phải trả tiền cho Quỹ Tín dụng nhân dân Trang Hạ theo hợp đồng đã ký. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Bà L xác nhận số nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký với Quỹ Tín dụng nhân dân Trang Hạ là đúng, đồng ý trả nợ nhưng do kinh tế khó khăn nên chưa có tiền trả nợ. Đại diện Quỹ Tín dụng nhân dân Trang Hạ không đồng ý vì phía bị đơn đã xin gia hạn nhiều lần nhưng không thực hiện đúng theo thỏa thuận. Bị đơn là chị H vắng mặt và không có ý kiến gửi đến Tòa án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị vay vốn, giấy nhận nợ, phiếu chi tiền ngày 18/2/2016 có đầy đủ chữ ký của chị Nguyễn Thị H để xác nhận khoản tiền chị H đã vay là 1.500.000.000 đồng và lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng là đúng. Do vậy, có đủ căn cứ để xác định số nợ gốc, nợ lãi theo như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng. Buộc chị Nguyễn Thị H phải trả cho Quỹ Tín dụng nhân dân Trang Hạ số tiền T đến ngày 10/4/2023 theo hợp đồng tín dụng số 230/2016 ngày 18/02/2016 là 2.785.598.000 đồng, trong đó tiền gốc 1.500.000.000 đồng, tiền lãi 1.258.598.000 đồng và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh T xong toàn bộ khoản nợ.

Tài sản thế chấp: Hộ ông Nguyễn Đức T gồm ông Nguyễn Đức T, bà Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị M, anh Nguyễn Đức T, anh Nguyễn Đức T, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Đức L đã dùng tài sản là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 455 tờ bản đồ 07 diện tích 149,0m² ở địa chỉ thôn Kim Bảng, xã H Mạc, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh cấp cho hộ ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị L để đảm bảo cho khoản vay của chị Nguyễn Thị H. Căn cứ vào đơn xin xác nhận thành viên hộ của ông Nguyễn Đức T ngày 04/02/2015 có xác nhận của UBND xã H Mạc thì hộ ông T gồm các thành viên ông Tỉnh, bà L, chị H, chị M, anh T, anh T, chị H và anh L là người có quyền sử dụng đất đối với thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y449607. Ngày 04/02/2015 tại văn phòng công chứng Minh Tâm, tỉnh Bắc Ninh các thành viên gồm chị H, chị M, anh T, anh T, chị H và anh L đã lập hợp

đồng ủy quyền cho ông T, bà L được quyền thay mặt hộ gia đình dùng tài sản của hộ gia đình thế chấp để vay vốn hoặc thế chấp để bảo lãnh cho bên thứ 3 vay vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân Trang Hạ. Thời hạn ủy quyền là 20 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Ngày 04/2/2015, ông T, bà L đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất tại văn phòng công chứng Minh Tâm, tỉnh Bắc Ninh. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khẳng định chữ ký của các thành viên trong hộ ông T là đúng. Năm 2016 ông T chết không để lại di chúc.

Ngoài những người con ở trên, ông T, bà L còn có một người con gái là chị Nguyễn Thị M. Vào thời điểm thế chấp cho Quỹ tín dụng nhân dân Trang Hạ, chị M đã kết hôn và sống tại nhà chồng ở khu phố Phù Khê Đông, phường Phù Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh nên khi làm thủ tục thế chấp, ông T không xác định chị M là thành viên của hộ được hưởng quyền sử dụng đất đối với thửa đất này. Chị M cũng xác nhận đã kết hôn và sinh sống tại nhà chồng, không ở chung với gia đình và không có hộ khẩu tại gia đình. Khi chị H vay tiền ngân hàng, ông T vẫn còn sống, do chị không có hộ khẩu ở gia đình nên không phải ký vào hợp đồng thế chấp. Ông T chết năm 2016. Khi chết ông T không để lại di chúc. Chị M xác định nhà đất bố mẹ và các chị em đã thế chấp cho chị H vay tiền ngân hàng là của ông T, bà L. Ông T chết, chị M đã được Tòa án giải thích quy định của pháp luật về việc được hưởng thừa kế di sản của ông T, chị M có quyền khởi kiện chia thừa kế nhưng chị không khởi kiện trong vụ án này. Khi nào có yêu cầu chị M khởi kiện sau. Đối với việc chị H vay tiền ngân hàng chị không L quan. Việc thế chấp tài sản của mẹ và các thành viên trong gia đình chị không L quan.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì thửa đất số 455 tờ bản đồ 07 diện tích 149,0m² (nay là thửa đất số 72, tờ bản đồ 7, diện tích 167,2m²) ở địa chỉ khu phố Kim Bảng, phường H Mạc, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh). Diện tích của thửa đất tăng lên 18,2m². Theo kết quả xác minh tại UBND phường H Mạc thì phần diện tích đất tăng lên này là do gia đình ông T lấn chiếm đất trường học. Việc tranh chấp này chưa được giải quyết do các bên chưa có đơn yêu cầu. Vì vậy, diện tích thửa đất thế chấp được xác định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp và theo hợp đồng thế chấp là 149,0m².

Đại diện nguyên đơn, người L quan đều xác định tài sản thế chấp theo như hợp đồng thế chấp đã ký. Xét thấy, việc ký kết tài sản thế chấp giữa các thành viên của hộ ông T với Quỹ Tín dụng nhân dân Trang Hạ đã tuân thủ các quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật. Chị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh T khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Quỹ Tín dụng nhân dân Trang Hạ có quyền tự xử lý tài sản thế chấp hoặc yêu cầu Cơ quan

Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ theo quy định của pháp luật.

[3] Chị M đã được Tòa án giải thích quy định của pháp luật về việc chia thừa kế đối với phần di sản của ông Tỉnh nhưng không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết. Chị M có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Quỹ Tín dụng nhân dân Trang Hạ được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Quỹ Tín dụng nhân dân Trang Hạ tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn là chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 299, 323, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng; Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015 quy định về quỹ tín dụng nhân dân; Nghị định số 163/NĐ - CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ – CP ngày 22/02/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ Tín dụng nhân dân Trang Hạ đối với chị Nguyễn Thị H về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Chị H phải thanh T cho Quỹ Tín dụng nhân dân Trang Hạ số tiền T đến ngày 10/4/2023 theo hợp đồng tín dụng số 230/2016 ngày 18/02/2016 là 2.785.598.000 đồng, trong đó tiền gốc 1.500.000.000 đồng, tiền lãi 1.258.598.000 đồng. Kể từ ngày 11/04/2023, chị H phải tiếp tục trả lãi theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 230/2016 ngày 18/02/2016 đã ký cho đến khi thanh T xong toàn bộ khoản nợ.

Chị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh T khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Quỹ Tín dụng nhân dân Trang Hạ có quyền tự xử lý tài sản thế chấp hoặc yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ theo quy định của pháp luật. Tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 455 tờ bản đồ 07 diện tích 149,0m² ở địa chỉ thôn Kim Bảng, xã H Mạc, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay là thửa đất số 72, tờ bản đồ 7, diện tích 167,2m² ở địa chỉ khu phố

Kim Bảng, phường H Mạc, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y449607 cho hộ ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị L. Diện tích của thửa đất được xác định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp.

Án phí: Chị H phải chịu 87.711.960 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Quỹ Tín dụng nhân dân Trang Hạ 41.440.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2021/0003827 ngày 25/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Từ Sơn.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Từ Sơn;
- TAND, VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan THADS thành phố Từ Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Thanh